TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-9-2020
"*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C; nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở hiện nay: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thái Q; nơi cư trú: Thôn 5, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Chị và anh Nguyễn Thái Q có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/4/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc và có một con chung. Đến năm 2015 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường bất đồng về quan điểm sống, không tin tưởng và không tôn trọng nhau. Anh Q sống không chung thủy dẫn đến vợ chồng ngày càng mất tình cảm, thường xuyên cãi vã nhau nên giữa năm 2017 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu nên tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được nên kiên quyết xin ly hôn anh Q để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Việt H, sinh ngày 26/10/2006. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng mong muốn được nuôi con và yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị C thay đổi yêu cầu về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng như: thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải cho anh Nguyễn Thái Q nhưng anh Q đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú và gia đình của anh, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã thực hiện xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, đã cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ văn bản tố tụng của Tòa án cho phía bị đơn anh Nguyễn Thái Q và gia đình anh Q cũng đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tống đạt. Chị C và gia đình anh Q đã báo cho anh Q biết việc Tòa án triệu tập anh đến Tòa để giải quyết việc chị C xin ly hôn anh nhưng anh Q đã không đến Tòa án, không gửi bản khai, bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án mà đã cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do.

Qua thông tin từ gia đình thì anh Q đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 31/8/2020, Tòa án đã mở phiên tòa nhưng anh Q vắng mặt nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh Q vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Nguyễn Thái Q vắng mặt không có lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thái Q. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Thái Q; về quan hệ con chung: giao con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 26/10/2006 cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Thái Q phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị C mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10/2020 trở đi, cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét; về án phí: buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, buộc anh Nguyễn Thái Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ để nộp vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Nguyễn Thái Q và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, anh Nguyễn Thái Q vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thái Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thái Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 27/4/2006, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn lẽ ra vợ chồng cần phải biết thương yêu, tôn trọng, chia sẽ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng giữa chị C và anh Q đã không thực hiện được. Giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau, hai bên không tìm được hướng đi chung, vì vậy đã sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ hai phía trong khi chị C xác định thật sự không còn tình cảm gì với anh Q, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng anh Q được nữa mà kiên quyết xin được ly hôn. Còn đối với anh Q, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần, cũng như đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q đã vắng mặt, không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án. Điều này thể hiện việc anh Q không hề quan tâm, lo lắng gì đến vợ con và gia đình, không thực hiện mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình và pháp luật.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị C cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Thái Q.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thái Q có một con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 26/10/2006. Sau khi ly hôn chị C có nguyện vọng mong muốn được nuôi con chung và yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa chị C thay đổi mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng.

Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị C thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay cháu H sống cùng chị C, do chị C một mình chăm sóc, nuôi dưỡng ăn học. Chị C hiện đang làm việc ở nhà nên có khả năng, thời gian, điều kiện ổn định để chăm lo cho cuộc sống của con. Trong khi anh Q lại bận công

việc, chưa dành thời gian và điều kiện để chăm sóc con chung. Do vậy, khi ly hôn cần xem xét điều kiện, cơ sở mỗi bên, điều kiện học tập phát triển lành mạnh, bình thường của cháu H mà tiếp tục giao cháu cho một trong hai bên trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mặc dù không ở cùng với chị C, anh Q nhưng việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cũng là trách nhiệm của cha mẹ và người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Xét yêu cầu của chị C về mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng, cũng như để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cháu H nên yêu cầu và mức cấp dưỡng số tiền 1.500.000 đồng như vậy là phù hợp với nhu cầu, điều kiện và tình hình thực tế.

Xét điều kiện và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con của các bên, cũng như nguyện vọng của cháu H là mong muốn được ở với mẹ, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 26/10/2006 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, buộc anh Nguyễn Thái Q phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị C mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 10/2020 trở đi cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Nguyễn Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung mà vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét quan điểm, đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn; buộc anh Nguyễn Thái Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật

Hôn nhân và gia đình; các khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Thái Q.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 26/10/2006 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Nguyễn Thái Q có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị C mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 10/2020 trở đi, cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để nộp vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị C phải chịu trên được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0007403, ngày 22/6/2020. Chị C đã nộp đủ tiền án phí.

4.2: Buộc anh Nguyễn Thái Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để nộp vào ngân sách nhà nước.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực